

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HSST
Ngày 08 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Liêu

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Cừu, Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Chư Pưh

Ông Ngô Xuân Tiến, Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Thái Học huyện Chư Pưh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quang T (D), sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: thôn Hòa Thuận, xã Ia Phang, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai

Chỗ ở hiện nay: thôn Hòa Thắng, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông Nguyễn Đức T và bà Đoàn Thị H

Vợ: Phạm Thị Minh N. Bị cáo có một người con sinh năm 2013.

Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 06/2017/HSST ngày 20/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; 07 (bảy) năm tù về tội “*Sản xuất, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt quả tang tạm giữ ngày 07/8/2016.

Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam T20 Công an tỉnh Gia Lai.
Có mặt

* *Người bị hại:* Nguyễn Văn S, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn Plei Dư, xã Ia H'rú, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Có mặt

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Thị T, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn Plei Dư, xã Ia H'rú, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn Hòa An, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Quang T (D) bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trước đó vào khoảng tháng 02/2016, Nguyễn Quang T vay của ông Đào Hùng S (sinh năm 1966, trú tại TDP10, TT Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai) số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nên ông S đến gặp T để đòi lại số tiền này nhưng T chưa có tiền trả. Vì biết bạn là anh Nguyễn Văn S (sinh năm 1988, trú tại Plei Dư, xã Ia H'rú, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai) có một chiếc xe công nông (xe có đầu kéo nhãn hiệu Cao Phong, 01 Rơ Moóc, 01 đầu tời không có dây cáp) nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe công nông này để đem đi cầm lấy tiền trả nợ. Do vậy, ngày 12/3/2016, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn S nói “*cho mượn chiếc xe công nông để đi chở củi một ngày*”, vì tin tưởng nên anh S đồng ý (BL 44, 46, 62, 64, 68, 84). Ngay sau đó T điều khiển xe mô tô của mình BKS 81F1 – 101.59 loại Exciter, nhãn hiệu Yamaha đến nhà anh Nguyễn Văn S rồi để xe mô tô tại đây và trực tiếp điều khiển xe máy kéo đến tiệm cầm đồ “*H B*” địa chỉ thôn Hòa An, TT. Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh của chị Đinh Thị Tuyết M (SN 1985). Trung gặp chị M và nói “*Cầm giùm em chiếc xe*”, chị M hỏi xe của ai thì T nói xe của T nên chị M đồng ý cầm chiếc xe với số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) (BL 58, 60, 62, 68, 85). Sau đó, T cầm tiền đi về nhà anh Nguyễn Văn S lấy xe mô tô rồi đi đến nhà ông Đào Hùng S trả nợ. Riêng chị M sau khi cầm chiếc xe công nông đã đem gửi tại nhà bà Nguyễn Thị T (SN 1947, trú Plei Djriêk, thị trấn Nhơn Hòa) là mẹ đẻ của chị M.

Sau khi cho T mượn xe anh S đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu T trả xe để đi làm nhưng T nói dối anh S là xe công nông bị hư hỏng đang nằm trong rừng chưa đem về được. Khoảng 01 tháng sau, anh S có việc đi lên thị trấn Nhơn Hòa khi anh vào quán tạp hóa mua gói thuốc thì phát hiện thấy chiếc xe công nông của gia đình đang để ở trong sân nhà bà Nguyễn Thị T (SN 1947, trú thôn Plei Djriêk, thị trấn Nhơn Hòa). Lúc này, anh S đi vào sân nhà bà T nổ máy và de cho xe đi ra cổng thì bà T chạy ra, anh S nói với bà T “*xe của tôi thì tôi lấy về*” rồi điều khiển xe công nông đi về nhà (BL 87). Sau đó, bà T gọi điện thoại cho chị M thông báo về việc có 01 người thanh niên đến nhà điều khiển xe công nông đi mất.

Tối ngày 23/3/2017, anh Nguyễn Văn S đi cùng bạn đến cầm đồ tại tiệm cầm đồ của chị M thì anh S đã nói chuyện với chị M nên chị M biết việc anh S là người đã điều khiển chiếc xe công nông để tại sân của nhà bà T. Vì vậy, chị M đã làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh đã điều tra, xác minh và làm việc với T thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Chư Pưh kết luận: Giá trị của chiếc xe công nông có đầu kéo nhãn hiệu Cao Phong, 01 Rơ Moóc, 01 đầu tời không có dây cáp đã qua sử dụng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

** Vật chứng vụ án:*

Chiếc xe công nông có đầu kéo nhãn hiệu Cao Phong, 01 Rơ Moóc, 01 đầu tời không có dây cáp là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị T (mẹ đẻ của Nguyễn Văn S). Năm 2010, bà T mua xe công nông của ông Trần Minh H (trú tại thôn Hòa Bình, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai) rồi giao xe cho anh S sử dụng. Ngày 06/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh đã giao trả xe công nông cho bà T.

** Trách nhiệm dân sự:*

Chị Đinh Thị Tuyết M yêu cầu Nguyễn Quang T trả lại cho chị M số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Đến nay, T chưa trả lại số tiền này cho chị M.

Tại bản cáo trạng số: 18/CTr-VKS ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T (D) về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T (D) với mức án từ 12 đến 15 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 15 năm tù tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 20/02/2017 của TAND huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, hình phạt tù chung từ 16 năm đến 16 năm 03 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Quang T (D) đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Hội đồng xét xử xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với những chứng cứ, kết quả định giá tài sản, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời

trình bày của những tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 12/03/2016, lợi dụng sự quen biết, Nguyễn Quang T (D) đã dùng thủ đoạn gian dối mượn anh Nguyễn Văn S xe công nông của bà Võ Thị T giao cho anh Nguyễn văn S sử dụng nhằm mục đích chiếm đoạt cầm cố để lấy tiền trả nợ.

Tại bản Kết luận định giá ngày 28/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTTHS huyện Chư Pưh kết luận: Giá trị của xe công nông trên là: 14.000.000 đồng.

HDXX xét hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn xâm hại đến trật tự trị an cho xã hội; loại tội xâm phạm sở hữu tài sản ở địa phương ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp, bị quần chúng nhân dân bất bình lên án.

Bị cáo Nguyễn Quang T (D) có nhân thân rất xấu. Ngày 25/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng 09 ngày tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2015 đương nhiên xóa án tích; ngày 20/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; 07 (bảy) năm tù về tội “*Sản xuất, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 15 (mười lăm) năm tù. Tuy nhiên lần phạm tội này so với lần phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Sản xuất, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*” thì lần phạm tội trước xét xử sau, do đó không thuộc trường hợp *Tái phạm* là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo đã từng bị xử phạt tù nhưng sau khi mãn hạn tù không lấy đó làm bài học để khắc phục, sửa chữa sai lầm của bản thân để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt tù bị cáo với mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhận tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo có mẹ để được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi lượng hình quyết định hình phạt.

Xét bị cáo đang chấp hành hình phạt 15 năm tù tại bản án số 06/2017/HSST ngày 20/02/2017 của TAND huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với Bản án số 06/2017/HSST ngày 20/02/2017 của TAND huyện Chư Pưh thành hình phạt tù chung, buộc bị cáo phải chấp hành.

Đối với chị Đinh Thị Tuyết M là người cầm cố chiếc xe công nông do T lừa đảo chiếm đoạt của anh S nhưng chị M không biết xe công nông do T phạm tội mà có,

nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh không đề cập xử lý là đúng quy định.

** Về vật chứng vụ án:*

Xe công nông đã được trả lại cho chủ sở hữu, nay không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX miễn xét.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Chị Đinh Thị Tuyết M yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang T trả lại cho chị số tiền 20.000.000 đồng là số tiền mà chị đưa cho T khi nhận cầm cố xe công nông trên là có căn cứ. Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo T có nghĩa vụ trả cho chị M 20.000.000 đồng.

** Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo T không có tài sản, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T là hợp lý.

** Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T (D) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T (D) 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với 15 năm tù, tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 20/02/2017 của TAND huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Hình phạt tù chung là 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 07/8/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Quang T (D) có nghĩa vụ trả lại cho chị Đinh Thị Tuyết M 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Quang T (D) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (20.000.000 đ x 5% = 1.000.000 đ) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Chư Pưh;
- Công an huyện Chư Pưh;
- Chi Cục THS DS huyện Chư Pưh;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Liêu